

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2010-2011 - KHOA CNTT
(Danh sách kèm theo Quyết định số
1690/QĐ-ĐHSP ngày 13.10.2011)

STT	Mã	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Điểm BH	Xếp loại học rèn luyện	Mức tiền	Số tiền
1	K34	Hà Anh	19.7.92	80	24	120	
		.103Thị	04.		0.0	0.00	
		.001Vân	90		00	0	
2	K34	Lê Châ	06.8.04	92	30	150	
		.103Hà u	11.		0.0	0.00	
		.005Thù	90		00	0	
		y					
3	K34	Trư Kho	01.8.15	80	30	150	
		.103ơng a	01.		0.0	0.00	
		.021Tấn	90		00	0	
4	K34	Huỳnh Nga	10.7.96	90	24	120	
		.103nh	06.		0.0	0.00	
		.028Thị	90		00	0	
		Thu					
5	K34	Ngu Tài	18.8.08	82	30	150	
		.103yễn	01.		0.0	0.00	
		.044Khá	90		00	0	
		nh					
6	K34	Bùi Tài	15.8.08	80	30	150	
		.103Anh	01.		0.0	0.00	
		.045	90		00	0	
7	K34	Hồ Trâ	01.8.19	80	30	150	
		.103Thị m	01.		0.0	0.00	
		.058	90		00	0	
8	K34	Ngu Anh	24.8.89	90	30	150	
		.104yễn	05.		0.0	0.00	
		.005Tuấ	90		00	0	
		n					
9	K34	Ngu Kha	05.8.81	90	30	150	
		.104yễn nh	12.		0.0	0.00	
		.042Phi	90		00	0	
10	K34	Huỳnh Khả	13.9.04	92	36	180	
		.104nh	12.		0.0	0.00	
		.045Tú	88		00	0	
11	K34	Trầ Ngu	02.8.78	85	30	150	
		.104n yệt	01.		0.0	0.00	
		.055Thị	90		00	0	
12	K34	Ngu Phư	16.9.56	92	36	180	

		.104yễn ợng 08.	0.0 0.00
		.062Thị 90	00 0
		Hoa	
13	K34Ngu Tân	19. 8.7885	30 150
		.104yễn 09.	0.0 0.00
		.072Anh 90	00 0
		Duy	
14	K34Hoà Thả	02. 9.0490	36 180
		.104ng o 11.	0.0 0.00
		.018Đìn 90	00 0
		h N	
		guy	
		ên	
15	K34Đoà Tra	05. 9.1190	36 180
		.104n ng 02.	0.0 0.00
		.093Thị 90	00 0
		Min	
		h	
16	K34Võ Tuy	11. 9.1190	36 180
		.104Thị ền 07.	0.0 0.00
		.102Tha 90	00 0
		nh	
17	K36Đặn Uy	05. 9.1190	30 150
		.104g T 08.	0.0 0.00
		.106hiên 90	00 0
18	K35Lê Ân	13. 7.8683	24 120
		.104Hoà 07.	0.0 0.00
		.002ng 91	00 0
		Thi	
		ên	
19	K35NguHuy	12. 8.2980	30 150
		.104yễn 03.	0.0 0.00
		.024Võ 89	00 0
		Cao	
20	K35Đỗ Loa	05. 8.1493	30 150
		.104Thị n 04.	0.0 0.00
		.036Mai 91	00 0
21	K35NguNgâ	22. 7.8692	24 120
		.104yễn n 08.	0.0 0.00
		.042Thị 91	00 0
		Thả	
		o	
22	K35NguThi	21. 8.4385	30 150
		.104yễn 11.	0.0 0.00
		.062Ngọ 91	00 0
		c M	
		inh	
23	K35NguThủ	05. 8.2980	30 150
		.104yễn y 02.	0.0 0.00
		.066Thị 90	00 0

3 / 6

		.103h	ên	03.		0.0	0.00
		.061	Văn	91		00	0
37	K35	Ngu	Son	01.	7.6876	24	120
		.103	yễn	05.		0.0	0.00
		.063	Xuâ	91		00	0
		n					
38	K35	Ngu	Việt	19.	7.8789	24	120
		.103	yễn	09.		0.0	0.00
		.077	Qua	86		00	0
		ng					
39	K35	Đặn	Vy	21.	7.9481	24	120
		.103	g	03.		0.0	0.00
		.078	Thị	91		00	0
		Tườ					
		ng					
40	K35	Ngu	Vươ	23.	8.1382	30	150
		.103	yễn	ng	12.		0.0
		.079	Đìn	91		00	0
		h					
41	K36	Lý	Quã	01.	2.8873	24	120
		.104	ng	04.		0.0	0.00
		.067		92		00	0
42	K36	Ngu	Tha	03.	3.2180	30	150
		.104	yễn	nh	08.		0.0
		.076	Pha	92		00	0
		n	Ph				
		ươn					
		g					
43	K36	Ngô	Thị	12.	2.7473	24	120
		.104	Thị	nh	11.		0.0
		.084	Kim	92		00	0
44	K36	Trà	Tín	16.	3.2983	30	150
		.104	n	Tr	01.		0.0
		.088	ung	92		00	0
45	K36	Ngu	Việt	26.	2.6478	24	120
		.104	yễn	02.		0.0	0.00
		.099	Quố	92		00	0
		c					
46	K36	Ngô	Vin	15.	2.6771	24	120
		.104	Sùn	h	11.		0.0
		.100	g	92		00	0
47	K36	Hồ	Cừu	29.	2.7678	24	120
		.104	Thị	08.		0.0	0.00
		.009	Kim	92		00	0
48	K36	Phạ	Dan	02.	2.7177	24	120
		.104	m	C	h	04.	
		.010	ông	92		00	0
49	K36	Phạ	Diệ	27.	3.1290	24	120
		.104	m	p	08.		0.0
		.013	Thị	89		00	0

5 / 6

		.103yễn c	08.	0.0	0.00
		.046Thị	91	00	0
		Hồn			
		g			
64	K36Phạ Ngu	06.3.4081	30	150	
		.103m yễn	11.	0.0	0.00
		.049Thị	92	00	0
		Kim			
65	K36NguNhu	01.3.6093	36	180	
		.103yễn	06.	0.0	0.00
		.053Thị	92	00	0
		Huỳ			
		nh			
66	K36NguPhư	01.3.2383	30	150	
		.103yễn ong	09.	0.0	0.00
		.059Thị	90	00	0
		Mai			
67	K36Tôn Quâ	24.3.1387	24	120	
		.103Thắ n	12.	0.0	0.00
		.061t	86	00	0
		Anh			
68	K36Huỳ Tha	11.3.1582	24	120	
		.103nh nh	10.	0.0	0.00
		.068Ngọ	92	00	0
		c Ki			
		ều			
69	K36Phạ Trâ	18.3.3079	24	120	
		.103m m	04.	0.0	0.00
		.076Thị	92	00	0
		Ngọ			
		c			
70	K36Pha Trư	08.3.3593	30	150	
		.103n ờng	10.	0.0	0.00
		.083Văn	90	00	0
71	K36Đạn Uyê	22.3.3581	30	150	
		.103g n	06.	0.0	0.00
		.088Thị	92	00	0
		Tú			